

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 7 năm 2015

KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP CAO ĐẲNG - KHÓA 2012
CÁC MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
1	ĐL006	12D2010004	Đậu Trọng Anh	30/3/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 03	7
2	ĐL007	12D2010005	Đỗ Huỳnh Duy Anh	01/10/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 03	6
3	ĐL017	12D2010009	Đỗ Chiêm Bao	20/12/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 03	6
4	ĐL053	12D2010017	Trần Dãnh	14/9/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 04	7
5	ĐL067	12D2010024	Phạm Quang Duy	17/8/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 04	6
6	ĐL072	12D2010029	Phạm Quang Đăng	02/02/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 04	5
7	ĐL080	12D2010030	Nguyễn Văn Đạt	19/6/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 05	7
8	ĐL083	12D2010033	Võ Ngọc Đạt	03/02/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 05	6
9	ĐL085	12D2010036	Nguyễn Giao Bảo Điền	06/12/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 05	7
10	ĐL087	12D2010037	Lê Văn Điệp	16/9/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 05	6
11	ĐL093	12D2010041	Huỳnh Văn Đối	05/8/1994	12CB-CK1	C 2.2 - 05	7
12	ĐL105	12D2010049	Huỳnh Minh Hải	20/8/1993	12CB-CK1	C 2.2 - 05	5
13	ĐL124	12D2010061	Nguyễn Văn Hồ	23/9/1993	12CB-CK1	C 3.2 - 01	7
14	ĐL137	12D2010069	Đặng Văn Hữu	12/4/1993	12CB-CK1	C 3.2 - 01	8
15	ĐL146	12D2010073	Nguyễn Tấn Khang	04/10/1994	12CB-CK1	C 3.2 - 02	7
16	ĐL157	12D2010081	Phan Quốc Kiệt	23/02/1994	12CB-CK1	C 3.2 - 02	7
17	ĐL167	12D2010085	Nguyễn Hoàng Linh	24/6/1993	12CB-CK1	C 3.2 - 02	7
18	ĐL174	12D2010089	Huỳnh Văn Lộc	24/8/1994	12CB-CK1	C 3.2 - 02	7
19	ĐL184	12D2010097	Nguyễn Văn Lưu	29/3/1994	12CB-CK1	C 3.2 - 03	8
20	ĐL193	12D2010100	Trần Hoài Nam	02/8/1994	12CB-CK1	C 3.2 - 03	5
21	ĐL210	12D2010105	Lâm Học Nhân	01/3/1994	12CB-CK1	C 3.2 - 03	7
22	ĐL226	12D2010109	Châu Cường Phát	15/01/1994	12CB-CK1	C 3.2 - 04	6
23	ĐL245	12D2010119	Nguyễn Thành Quân	16/8/1994	12CB-CK1	C 3.2 - 04	6
24	ĐL247	12D2010120	Diệp Kim Quang	28/10/1993	12CB-CK1	C 3.2 - 04	6
25	ĐL251	12D2010124	Nguyễn Hữu Quảng	05/9/1993	12CB-CK1	C 3.2 - 04	7
26	ĐL256	12D2010128	Trần Minh Quyền	13/9/1988	12CB-CK1	C 3.2 - 05	8
27	ĐL270	12D2010136	Tăng Đức Tài	05/11/1994	12CB-CK1	C 3.2 - 05	7
28	ĐL278	12D2010139	Nguyễn Duy Tân	28/8/1993	12CB-CK1	C 3.2 - 05	6
29	ĐL279	12D2010140	Nguyễn Văn Tân	11/9/1993	12CB-CK1	C 3.2 - 05	7
30	ĐL286	12D2010144	Nguyễn Sơn Thạch	14/01/1993	12CB-CK1	C 3.2 - 05	7
31	ĐL293	12D2010148	Hồ Đức Thắng	24/12/1994	12CB-CK1	C 2.1 - 01	7
32	ĐL305	12D2010156	Nguyễn Văn Thành	07/7/1994	12CB-CK1	C 2.1 - 01	8
33	ĐL302	12D2010157	Sử Hải Thanh	27/10/1992	12CB-CK1	C 2.1 - 01	7



TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
34	ĐL311	12D2010160	Nguyễn Văn Thảo	27/10/1992	12CĐ-CK1	C 2.1 - 01	7
35	ĐL337	12D2010175	Nguyễn Đàm Minh Trí	24/12/1994	12CĐ-CK1	C 2.1 - 04	8
36	ĐL345	12D2010178	Nguyễn Quốc Trọng	29/11/1994	12CĐ-CK1	C 2.1 - 04	8
37	ĐL349	12D2010179	Nguyễn Quốc Trung	24/9/1993	12CĐ-CK1	C 2.1 - 04	6
38	ĐL359	12D2010183	Trần Nhật Trường	15/01/1994	12CĐ-CK1	C 2.1 - 04	8
39	ĐL371	12D2010197	Nguyễn Văn Tuấn	18/8/1994	12CĐ-CK1	C 2.1 - 05	8
40	ĐL373	12D2010187	Nguyễn Quốc Tuyển	18/01/1994	12CĐ-CK1	C 2.1 - 05	7
41	ĐL378	12D2010190	Dương Minh Việt	25/10/1994	12CĐ-CK1	C 2.1 - 05	7
42	ĐL380	12D2010191	Huỳnh Duy Vinh	10/01/1994	12CĐ-CK1	C 2.1 - 05	7
43	ĐL009	12D2010006	Lê Triều Anh	28/7/1993	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	8
44	ĐL005	12D2010008	Trần Thanh Ân	11/6/1994	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	6
45	ĐL018	12D2010010	Hồ Phước Ngọc Bảo	21/9/1994	12CĐ-CK2	C 2.2 - 03	7
46	ĐL045	12D2010014	Đồng Đăng Cường	05/11/1994	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	7
47	ĐL055	12D2010018	Bùi Tấn Din	01/9/1994	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	7
48	ĐL069	12D2010026	Nguyễn Xuân Duyên	09/10/1994	12CĐ-CK2	C 2.2 - 04	6
49	ĐL074	12D2010028	Nguyễn Tuấn Đăng	06/12/1994	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	5
50	ĐL084	12D2010034	Vũ Tuấn Đạt	21/02/1993	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	6
51	ĐL090	12D2010038	Lưu Định	16/10/1993	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	7
52	ĐL092	12D2010040	Nguyễn Văn Đoàn	28/11/1992	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	7
53	ĐL097	12D2010042	Trần Hữu Đức	09/11/1993	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	6
54	ĐL099	12D2010046	Trần Hoàng Giang	01/01/1994	12CĐ-CK2	C 2.2 - 05	6
55	ĐL116	10D0020237	Phan Văn Xuân Hậu	27/12/1992	12CĐ-CK2	C 3.2 - 01	7
56	ĐL126	12D2010062	Nguyễn Nhật Hòa	01/5/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 01	6
57	ĐL138	12D2010070	Đặng Tuấn Huy	15/7/1993	12CĐ-CK2	C 3.2 - 01	6
58	ĐL140	12D2010072	Lê Ngọc Huy	08/8/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 01	7
59	ĐL147	12D2010074	Nguyễn Trọng Khang	11/11/1993	12CĐ-CK2	C 3.2 - 02	6
60	ĐL159	12D2010082	Nguyễn Hoàng Lâm	04/9/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 02	7
61	ĐL172	12D2010086	Phan Vũ Linh	5/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 02	6
62	ĐL179	12D2010092	Phùng Ngọc Long	20/10/1993	12CĐ-CK2	C 3.2 - 02	6
63	ĐL187	12D2010098	Nguyễn Công Minh	21/7/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 03	7
64	ĐL202	12D2010102	Phạm Anh Nghiêm	30/8/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 03	7
65	ĐL211	12D2010106	Lê Hoàng Nhân	15/12/1993	12CĐ-CK2	C 3.2 - 03	8
66	ĐL224	12D2010108	Dương Quốc Pháp	25/9/1993	12CĐ-CK2	C 3.2 - 04	6
67	ĐL228	12D2010110	Linh Diệu Phí	06/8/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 04	6
68	ĐL234	12D2010114	Nguyễn Hoài Phúc	30/10/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 04	3
69	ĐL257	12D2010129	Cao Văn Sa	11/02/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 05	6
70	ĐL258	12D2010131	Huỳnh Văn Sang	28/10/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 05	6
71	ĐL274	12D2010137	Phạm Ngọc Đăng Tâm	02/02/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 05	8
72	ĐL280	12D2010141	Phạm Minh Tân	19/10/1992	12CĐ-CK2	C 3.2 - 05	7

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
73	ĐL285	12D2010143	Nguyễn Phước	Tây	28/01/1994	12CĐ-CK2	C 3.2 - 05	Vắng
74	ĐL290	12D2010149	Mai Minh	Thăng	14/3/1994	12CĐ-CK2	C 2.1 - 01	7
75	ĐL297	12D2010152	Giáp Văn	Thanh	03/8/1993	12CĐ-CK2	C 2.1 - 01	7
76	ĐL314	12D2010165	Phạm Công	Thiện	06/01/1994	12CĐ-CK2	C 2.1 - 01	8
77	ĐL317	12D2010167	Phạm Việt	Thịnh	26/10/1994	12CĐ-CK2	C 2.1 - 01	5
78	ĐL321	12D2010168	Nguyễn Văn	Thuộc	10/9/1994	12CĐ-CK2	C 2.1 - 01	6
79	ĐL326	12D2010198	Trần Văn	Tí	05/5/1993	12CĐ-CK2	C 2.1 - 04	8
80	ĐL329	12D2010171	Phùng Thanh	Tịnh	10/02/1993	12CĐ-CK2	C 2.1 - 04	7
81	ĐL355	12D2010182	Nguyễn Tấn	Trương	24/8/1994	12CĐ-CK2	C 2.1 - 04	7
82	ĐL361	12D2010184	Nguyễn Đắc	Truyền	18/5/1994	12CĐ-CK2	C 2.1 - 05	8
83	ĐL376	12D2010188	Nguyễn Thiên	Vạn	08/4/1994	12CĐ-CK2	C 2.1 - 05	7
84	ĐL384	12D2010192	Trương Hoàng Quang	Vinh	17/10/1994	12CĐ-CK2	C 2.1 - 05	7
85	ĐL389	12D2010196	Dương Lý	Vương	08/3/1993	12CĐ-CK2	C 2.1 - 05	7
86	ĐL350	12D2010180	Nguyễn Thành	Trung	03/01/1994	12CĐ-CK2	C 2.1 - 04	8
87	ĐL002	12D2010003	Phạm Long	An	29/9/1993	12CĐ-CK3	C 2.2 - 03	7
88	ĐL010	12D2010007	Lê Tuấn	Anh	13/6/1994	12CĐ-CK3	C 2.2 - 03	6
89	ĐL021	12D2010011	Trần Văn	Bảo	23/5/1994	12CĐ-CK3	C 2.2 - 03	8
90	ĐL022	12D2010012	Vũ Cao	Bền	19/8/1991	12CĐ-CK3	C 2.2 - 03	7
91	ĐL050	12D2010015	Bùi Văn	Dân	29/3/1994	12CĐ-CK3	C 2.2 - 04	8
92	ĐL056	12D2010019	Nguyễn Hoàng	Dinh	25/01/1994	12CĐ-CK3	C 2.2 - 04	6
93	ĐL066	12D2010023	Nguyễn Văn	Duy	05/7/1994	12CĐ-CK3	C 2.2 - 04	6
94	ĐL073	12D2010027	Bùi Châu Duy	Đặng	17/8/1993	12CĐ-CK3	C 2.2 - 05	6
95	ĐL081	12D2010031	Trần Quốc	Đạt	26/9/1994	12CĐ-CK3	C 2.2 - 05	6
96	ĐL082	12D2010032	Trần Thành	Đạt	21/9/1994	12CĐ-CK3	C 2.2 - 05	7
97	TT045	12D2010039	Đỗ Đại	Độ	01/11/1994	12CĐ-CK3	C 2.3 - 02	5
98	ĐL098	12D2010043	Quảng Văn	Giản	06/7/1994	12CĐ-CK3	C 2.2 - 05	5
99	ĐL104	12D2010048	Đậu Trọng	Hải	11/02/1994	12CĐ-CK3	C 2.2 - 05	7
100	ĐL111	12D2010051	Trần Minh	Hải	17/6/1994	12CĐ-CK3	C 3.2 - 01	7
101	ĐL120	12D2010059	Huỳnh Trung	Hiếu	17/6/1994	12CĐ-CK3	C 3.2 - 01	8
102	ĐL128	12D2010063	Phùng Quang	Hoàng	27/10/1994	12CĐ-CK3	C 3.2 - 01	7
103	ĐL129	12D2010065	Phạm Hoàng	Hôn	01/01/1994	12CĐ-CK3	C 3.2 - 01	5
104	ĐL148	12D2010075	Nguyễn Công	Khanh	19/8/1991	12CĐ-CK3	C 3.2 - 02	6
105	TT092	12D2010080	Huỳnh Anh	Kiệt	14/10/1994	12CĐ-CK3	C 2.3 - 03	5
106	ĐL165	12D2010083	Võ Văn	Lệnh	16/4/1993	12CĐ-CK3	C 3.2 - 02	6
107	ĐL173	12D2010087	Trần Ngọc	Linh	17/6/1993	12CĐ-CK3	C 3.2 - 02	6
108	ĐL177	12D2010091	Ngô Hoàng	Long	15/12/1994	12CĐ-CK3	C 3.2 - 02	7
109	ĐL182	12D2010095	Hoàng Văn	Lục	28/9/1994	12CĐ-CK3	C 3.2 - 03	7
110	ĐL205	12D2010103	Nguyễn Thái	Nguyên	05/02/1994	12CĐ-CK3	C 3.2 - 03	7
111	ĐL223	10D0020176	Văn Quang	Ninh	06/12/1992	12CĐ-CK3	C 3.2 - 04	6

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
112	ĐL231	12D2010111	Võ Tấn	Phong	07/3/1994	12CB-CK3	C 3.2 - 04	5
113	ĐL238	12D2010115	Bùi Thiên	Phước	20/10/1994	12CB-CK3	C 3.2 - 04	4
114	ĐL244	12D2010118	Nguyễn Minh	Quân	19/5/1993	12CB-CK3	C 3.2 - 04	7
115	ĐL248	12D2010122	Nguyễn Duy	Quang	19/5/1994	12CB-CK3	C 3.2 - 04	7
116	ĐL261	12D2010130	Đặng	Sáng	23/8/1993	12CB-CK3	C 3.2 - 05	7
117	ĐL266	12D2010134	Vi Văn	Sức	26/01/1993	12CB-CK3	C 3.2 - 05	6
118	ĐL267	12D2010135	Nguyễn Tấn	Sỹ	19/4/1994	12CB-CK3	C 3.2 - 05	7
119	ĐL282	12D2010142	Tạ Minh	Tấn	25/01/1992	12CB-CK3	C 3.2 - 05	7
120	ĐL287	12D2010146	Nguyễn Hồng	Thái	25/11/1992	12CB-CK3	C 3.2 - 05	6
121	ĐL294	12D2010150	Nguyễn Minh	Thắng	10/7/1992	12CB-CK3	C 2.1 - 01	6
122	TT175	12D2010158	Võ Đức	Thành	20/4/1993	12CB-CK3	C 2.2 - 01	7
123	ĐL308	12D2010159	Đàm Minh	Thảo	26/11/1994	12CB-CK3	C 2.1 - 01	6
124	ĐL316	12D2010166	Nguyễn Chí	Thinh	26/4/1994	12CB-CK3	C 2.1 - 01	7
125	ĐL322	12D2010169	Lê Thành	Thương	18/02/1994	12CB-CK3	C 2.1 - 01	6
126	ĐL351	12D2010181	Phan Thành	Trung	19/10/1993	12CB-CK3	C 2.1 - 04	7
127	ĐL377	12D2010189	Lê Ngọc	Vàng	07/12/1993	12CB-CK3	C 2.1 - 05	7
128	ĐL058	11D0020011	Lê Văn	Dự	02/4/1993	12CB-CK3	C 2.2 - 04	8
129	ĐL001	12D301Đ001	Bùi Thuận	An	14/3/1994	12CB-Đ1	C 2.2 - 03	8
130	TT003	12D301Đ002	Nguyễn Hoài	An	15/6/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	5
131	TT005	12D301Đ006	Đào Trọng Thiên	Ân	21/10/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	5
132	TT006	12D301Đ007	Lê Đình	Ân	09/3/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	Vắng
133	TT009	12D301Đ009	Dương Quốc	Bảo	28/9/1993	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	5
134	TT014	12D301Đ010	Nguyễn Như	Bình	02/4/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	6
135	TT017	12D301Đ013	Đỗ Ngọc	Chung	20/4/1991	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	6
136	TT018	12D301Đ014	Đặng Văn	Công	28/02/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	5
137	TT021	12D301Đ015	Lâm Nguyễn Hùng	Cường	14/02/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	5
138	TT022	12D301Đ017	Trần Quốc	Cường	08/7/1993	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	6
139	TT024	12D301Đ021	Phạm Văn	Diện	10/4/1993	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	5
140	TT025	12D301Đ022	Nguyễn Thanh	Dinh	18/6/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	5
141	TT026	12D301Đ023	Trần Cung	Đuẩn	25/9/1992	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	6
142	TT028	12D301Đ025	Đỗ Thanh	Dũng	21/4/1991	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	6
143	TT032	12D301Đ026	Phạm Quốc	Dũng	30/6/1993	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	5
144	TT033	12D301Đ027	Trần Minh	Dũng	27/11/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 01	5
145	TT034	12D301Đ029	Hồ Anh	Duy	16/6/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	5
146	ĐL063	12D301Đ030	Hồ Sĩ	Duy	27/8/1991	12CB-Đ1	C 2.2 - 04	5
147	ĐL064	12D301Đ031	Nguyễn	Duy	22/10/1993	12CB-Đ1	C 2.2 - 04	5
148	TT038	12D301Đ034	Vũ Ngọc	Duy	22/11/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	6
149	TT039	12D301Đ037	Đoàn Ngọc	Đạt	10/12/1993	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	6
150	TT043	12D301Đ038	Trần Văn	Đạt	28/10/1994	12CB-Đ1	C 2.3 - 02	5

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
151	TT044	12D301Đ041	Nguyễn Đình	28/5/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	5
152	TT046	12D301Đ043	Nguyễn Văn Đông	06/01/1991	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	5
153	TT050	12D301Đ045	Nguyễn Xuân Đức	08/9/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	6
154	TT054	12D301Đ049	Lê Xuân Hải	07/5/1993	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	5
155	TT055	12D301Đ050	Nguyễn Hữu Hải	24/3/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	5
156	TT057	11D0010126	Nguyễn Văn Hải	10/02/1992	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	5
157	TT058	12D301Đ051	Phạm Thanh Hải	12/11/1993	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	6
158	TT061	12D301Đ053	Nguyễn Trọng Hậu	02/11/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	5
159	TT063	12D301Đ054	Trần Thanh Hậu	25/11/1993	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	5
160	TT065	11D0010133	Nguyễn Văn Hiền	27/12/1991	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 02	6
161	TT067	11D0010137	Doãn Bá Hiếu	10/9/1993	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 03	6
162	TT068	12D301Đ058	Lê Trung Hiếu	10/02/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 03	5
163	TT071	12D301Đ059	Lâm Minh Hoàng	07/11/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 03	5
164	TT076	12D301Đ065	Nguyễn Phát Hưng	10/6/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 03	6
165	TT078	12D301Đ066	Đoàn Văn Huy	08/01/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 03	6
166	TT079	12D301Đ067	Hoàng Công Huy	20/7/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 03	4
167	TT082	12D301Đ070	Vũ Anh Huy	16/5/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 03	3
168	TT089	12D301Đ071	Trương Thành Khoa	24/3/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 03	5
169	TT100	12D301Đ073	Đặng Văn Lên	17/8/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 04	5
170	TT104	12D301Đ074	Phạm Tài Lộc	26/01/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 04	5
171	TT112	12D301Đ077	Hồ Thanh Luận	05/7/1992	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 04	6
172	TT109	12D301Đ078	Lê Thành Luân	04/01/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 04	5
173	TT110	12D301Đ079	Nguyễn Minh Luân	10/6/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 04	5
174	TT116	12D301Đ089	Bùi Hữu Nghĩa	17/7/1992	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 04	5
175	TT118	12D301Đ091	Mai Thái Nguyên	07/3/1993	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 04	5
176	TT121	12D301Đ097	Trần Ngọc Nhật	19/8/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 04	5
177	TT128	12D301Đ101	Mai Tấn Phát	24/4/1993	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 04	5
178	TT133	12D301Đ109	Nguyễn Việt Hải Phong	05/12/1993	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 05	5
179	TT146	12D301Đ113	Phạm Văn Quý	11/3/1993	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 05	5
180	TT156	11D0010306	Bùi Tấn Tài	01/3/1993	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 05	3
181	TT159	12D301Đ117	Nguyễn Ngọc Tài	01/01/1994	12CĐ-Đ1	C 2.3 - 05	5
182	TT172	12D301Đ125	Nguyễn Tiến Thành	13/11/1992	12CĐ-Đ1	C 2.2 - 01	5
183	TT176	12D301Đ129	Dương Tuấn Thảo	29/9/1994	12CĐ-Đ1	C 2.2 - 01	5
184	TT182	12D301Đ133	Trịnh Xuân Thịnh	12/6/1993	12CĐ-Đ1	C 2.2 - 01	5
185	TT192	12D301Đ141	Huỳnh Minh Tiến	20/5/1994	12CĐ-Đ1	C 2.2 - 01	6
186	TT209	12D301Đ153	Nguyễn Lê Quang Trung	04/6/1994	12CĐ-Đ1	C 2.2 - 02	5
187	TT216	11D0010301	Phan Quốc Tú	13/9/1993	12CĐ-Đ1	C 2.2 - 02	6
188	TT218	11D0010265	Lê Trần Quốc Tuấn	01/4/1993	12CĐ-Đ1	C 2.2 - 02	5
189	TT228	12D301Đ165	Trần Quốc Việt	19/9/1994	12CĐ-Đ1	C 2.2 - 02	6

HỒ CHÍ MINH

100

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
190	TT230	12D301Đ169	Nguyễn Khắc	Vũ	06/8/1994	12CB-Đ1	C 2.2 - 02	6
191	ĐL012	12D301Đ004	Nguyễn Hoàng	Anh	17/10/1994	12CB-Đ2	C 2.2 - 03	8
192	ĐL035	12D301Đ012	Nguyễn Công	Chiến	10/7/1994	12CB-Đ2	C 2.2 - 03	7
193	ĐL047	12D301Đ016	Nguyễn Cao	Cường	02/01/1994	12CB-Đ2	C 2.2 - 04	7
194	ĐL054	12D301Đ020	Nguyễn Thành	Diên	30/3/1994	12CB-Đ2	C 2.2 - 04	8
195	ĐL065	12D301Đ032	Nguyễn Phước Quý	Duy	01/01/1993	12CB-Đ2	C 2.2 - 04	6
196	ĐL071	12D301Đ036	Nguyễn Hải	Đăng	12/12/1993	12CB-Đ2	C 2.2 - 04	7
197	ĐL086	12D301Đ040	Huỳnh Thanh	Điệp	10/02/1993	12CB-Đ2	C 2.2 - 05	8
198	TT047	11D0010023	Lê Cảnh	Đức	29/3/1993	12CB-Đ2	C 2.3 - 02	5
199	ĐL113	12D301Đ052	Hà Công	Hậu	20/12/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 01	7
200	ĐL119	12D301Đ056	Đặng Minh	Hiếu	29/8/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 01	8
201	ĐL154	11D0010153	Lê Trung	Kiên	23/9/1993	12CB-Đ2	C 3.2 - 02	7
202	ĐL180	12D301Đ076	Võ Lý	Long	30/12/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 02	7
203	ĐL190	12D301Đ083	Trần Kim	Minh	19/8/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 03	8
204	ĐL192	12D301Đ084	Ngô Anh	Nam	06/11/1993	12CB-Đ2	C 3.2 - 03	9
205	ĐL198	12D301Đ088	Hà Tấn	Ngân	18/11/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 03	7
206	ĐL204	12D301Đ092	Nguyễn Ngọc	Nguyên	04/6/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 03	7
207	ĐL209	12D301Đ094	Phạm	Nhàn	10/01/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 03	7
208	TT120	12D301Đ095	Tạ Thiện	Nhân	12/12/1994	12CB-Đ2	C 2.3 - 04	4
209	ĐL217	12D301Đ096	Huỳnh Hữu	Nhất	19/7/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 04	6
210	ĐL222	12D301Đ098	Lê Tấn	Ninh	21/01/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 04	7
211	TT125	12D301Đ099	Nguyễn Xuân	Nở	15/02/1993	12CB-Đ2	C 2.3 - 04	4
212	ĐL225	12D301Đ100	Võ Tấn	Pháp	20/10/1990	12CB-Đ2	C 3.2 - 04	7
213	TT129	12D301Đ102	Nguyễn Hồng	Phát	14/5/1994	12CB-Đ2	C 2.3 - 04	5
214	ĐL229	12D301Đ107	Đoàn Thanh	Phong	05/9/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 04	7
215	ĐL255	12D301Đ111	Đặng	Quý	19/02/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 05	8
216	TT149	12D301Đ114	Nguyễn Thanh	Quyền	18/11/1994	12CB-Đ2	C 2.3 - 05	5
217	TT152	12D301Đ115	Ong Dù	Sén	19/11/1994	12CB-Đ2	C 2.3 - 05	6
218	ĐL264	12D301Đ116	Nguyễn Văn	Sơn	30/01/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 05	7
219	ĐL269	12D301Đ118	Nguyễn Ngọc	Tài	17/5/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 05	8
220	ĐL272	12D301Đ119	Nguyễn Hoàng	Tâm	05/12/1994	12CB-Đ2	C 3.2 - 05	7
221	ĐL277	12D301Đ120	Đỗ Như	Tân	27/5/1992	12CB-Đ2	C 3.2 - 05	7
222	ĐL292	12D301Đ123	Đoàn Hữu	Thắng	05/02/1994	12CB-Đ2	C 2.1 - 01	8
223	ĐL296	11D0010296	Giang Hoài	Thanh	15/10/1993	12CB-Đ2	C 2.1 - 01	9
224	ĐL306	12D301Đ126	Nguyễn Văn	Thành	02/12/1994	12CB-Đ2	C 2.1 - 01	8
225	ĐL303	12D301Đ128	Võ	Thanh	08/01/1994	12CB-Đ2	C 2.1 - 01	8
226	ĐL315	12D301Đ132	Võ Văn	Thiệt	17/01/1994	12CB-Đ2	C 2.1 - 01	8
227	ĐL320	12D301Đ136	Ngô Minh	Thống	09/01/1994	12CB-Đ2	C 2.1 - 01	6
228	ĐL323	12D301Đ138	Nguyễn Văn	Thương	15/8/1994	12CB-Đ2	C 2.1 - 01	8

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
229	ĐL324	12D301Đ140	Võ Văn	Thương	22/9/1993	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 01	6
230	ĐL328	12D301Đ143	Tô Văn	Tính	1991	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 04	8
231	ĐL330	11D0010071	Nguyễn Lâm	Toàn	06/7/1992	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 04	8
232	ĐL335	12D301Đ147	Đỗ Minh	Trí	04/9/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 04	8
233	TT202	11D0010074	Võ Trọng	Trí	21/9/1992	12CĐ-Đ2	C 2.2 - 02	5
234	ĐL342	12D301Đ148	Nguyễn Thanh	Triệu	14/7/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 04	8
235	ĐL344	12D301Đ150	Nguyễn Hữu	Trọng	28/01/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 04	8
236	ĐL346	12D301Đ152	Huỳnh Ngọc	Trung	24/12/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 04	8
237	ĐL353	12D301Đ156	Võ Anh	Trung	24/4/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 04	8
238	ĐL365	11D0010078	Huỳnh Anh	Tuấn	16/4/1993	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	7
239	ĐL367	12D301Đ159	Lê Thanh Anh	Tuấn	06/6/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	7
240	ĐL368	12D301Đ160	Nguyễn Công	Tuấn	04/7/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	7
241	TT221	12D301Đ162	Kim Thanh	Tùng	01/11/1994	12CĐ-Đ2	C 2.2 - 02	5
242	ĐL374	12D301Đ164	Võ Văn	Tý	10/9/1993	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	6
243	ĐL375	11D0010304	Trần Anh	Văn	28/8/1993	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	7
244	ĐL379	12D301Đ166	Dương Quang	Vinh	15/7/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	7
245	ĐL383	12D301Đ167	Trịnh Tấn	Vinh	02/01/1993	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	8
246	ĐL386	12D301Đ168	Nguyễn Hoài Phong	Vũ	18/11/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	7
247	ĐL388	12D301Đ170	Trần Thanh	Vũ	20/6/1992	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	7
248	ĐL392	12D301Đ171	Nguyễn Hoàng	Vỹ	15/7/1994	12CĐ-Đ2	C 2.1 - 05	8
249	TT008	12D3010004	Lê Bảo	Anh	16/11/1992	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 01	5
250	TT001	12D3010005	Bùi Thiên	Ái	17/6/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 01	6
251	TT010	12D3010009	Mai Thái	Bảo	14/10/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 01	5
252	TT012	12D3010012	Lê Văn	Bình	16/3/1992	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 01	6
253	TT015	12D3010013	Trần Thanh	Bình	11/10/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 01	6
254	TT019	12D3010016	Nguyễn Thành	Công	05/01/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 01	5
255	ĐL040	12D3010017	Phạm Minh	Công	22/4/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 04	8
256	TT035	12D3010029	Nguyễn Tấn	Duy	28/02/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 02	5
257	ĐL106	12D3010037	Ngô Quang	Hải	20/8/1991	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 05	7
258	TT064	12D3010041	Huỳnh Ngọc	Hiền	22/9/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 02	5
259	TT069	12D3010045	Lê Xuân	Hiếu	19/4/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 03	5
260	TT080	12D3010053	Mạch Minh	Huy	01/10/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 03	5
261	TT086	12D3010057	Hoàng Trường	Khanh	19/02/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 03	5
262	TT105	12D3010073	Võ Minh	Lợi	15/01/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 04	4
263	ĐL186	12D3010078	Nguyễn Chí Bình	Minh	17/12/1991	12CĐ-ĐT1	C 3.2 - 03	7
264	ĐL203	12D3010082	Nguyễn Tiến	Ngọc	28/10/1994	12CĐ-ĐT1	C 3.2 - 03	7
265	ĐL213	12D3010086	Nguyễn Thành	Nhân	16/11/1993	12CĐ-ĐT1	C 3.2 - 03	5
266	TT130	12D3010089	Tô Tấn	Phát	19/8/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 04	3
267	ĐL227	12D3010090	Mai Lê Hoàng	Phi	20/11/1994	12CĐ-ĐT1	C 3.2 - 04	5



TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
268	TT134	12D3010092	Lê Văn	Phú	28/8/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	5
269	ĐL235	12D3010094	Nguyễn Hồng	Phúc	1994	12CĐ-ĐT1	C 3.2 - 04	7
270	TT139	12D3010180	Lê Văn	Phước	19/11/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	3
271	TT140	12D3010101	Huỳnh Tuyết	Quan	17/9/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	6
272	TT147	12D3010106	Trần Văn	Quý	10/02/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	6
273	TT151	12D3010109	Võ Thanh	Sang	18/10/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	7
274	TT154	12D3010098	Hoàng Nguyễn Võ Quốc	Sơn	08/6/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	5
275	TT155	12D3010113	Nguyễn Phi	Sơn	15/5/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	5
276	TT157	11D0060156	Đinh Thành	Tài	01/4/1991	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	5
277	ĐL271	12D3010118	Nguyễn Văn Bé	Tám	22/4/1990	12CĐ-ĐT1	C 3.2 - 05	6
278	TT164	12D3010123	Nguyễn Văn	Tặng	28/12/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	7
279	ĐL283	12D3010124	Nguyễn Thanh	Tàu	24/10/1994	12CĐ-ĐT1	C 3.2 - 05	8
280	TT165	12D3010126	Phạm Ngọc	Thạch	10/3/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.3 - 05	5
281	TT166	12D3010128	Phạm Văn	Thái	09/6/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 01	3
282	TT170	12D3010133	Huỳnh Minh	Thành	22/9/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 01	6
283	ĐL298	12D3010134	Nguyễn Hải Kỳ	Thanh	15/9/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.1 - 01	6
284	TT178	12D3010140	Lê Hoàng	Thiện	06/7/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 01	6
285	TT184	12D3010144	Mai Hoài	Thư	23/9/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 01	6
286	TT188	12D3010145	Lê Hoàng	Thức	10/3/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 01	6
287	TT196	12D3010149	Nguyễn Đức	Toàn	16/3/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 01	5
288	ĐL338	12D3010150	Nguyễn Minh	Trí	13/6/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.1 - 04	7
289	TT204	12D3010154	Nguyễn Văn	Trình	10/5/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 02	5
290	TT206	12D3010156	Nguyễn Hoài	Trọng	20/11/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 02	5
291	TT207	12D3010157	Nguyễn Trung	Trực	02/11/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 02	4
292	ĐL352	12D3010158	Trần Đức	Trung	28/3/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.1 - 04	8
293	TT213	12D3010161	Nguyễn Thanh	Trường	21/8/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 02	5
294	ĐL360	12D3010162	Trần Công Quốc	Trường	15/11/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.1 - 04	8
295	ĐL366	12D3010165	Lê Hoàng	Tuấn	25/9/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.1 - 05	7
296	TT220	11D0060190	Trần Cảnh	Tuấn	20/5/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 02	5
297	TT223	12D3010169	Trần Thanh	Tùng	01/01/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 02	6
298	TT227	12D3010172	Đinh Đức	Việt	26/10/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 02	5
299	ĐL382	12D3010174	Trần Văn	Vinh	03/9/1994	12CĐ-ĐT1	C 2.1 - 05	7
300	TT232	12D3010176	Nguyễn Tuấn	Vũ	11/4/1992	12CĐ-ĐT1	C 2.2 - 02	5
301	ĐL390	12D3010178	Nguyễn Ngọc	Vương	20/02/1993	12CĐ-ĐT1	C 2.1 - 05	8
302	ĐL008	12D3010003	Hà Việt	Anh	12/9/1993	12CĐ-ĐT2	C 2.2 - 03	7
303	ĐL019	12D3010010	Tô Thanh	Bảo	04/3/1994	12CĐ-ĐT2	C 2.2 - 03	7
304	ĐL036	11D0060082	Nguyễn Văn	Chung	03/5/1991	12CĐ-ĐT2	C 2.2 - 03	7
305	ĐL038	12D3010015	Lã Văn	Công	20/5/1993	12CĐ-ĐT2	C 2.2 - 04	8
306	ĐL039	11D0060083	Nguyễn Chí	Công	14/7/1993	12CĐ-ĐT2	C 2.2 - 04	7

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
307	ĐL042	12D3010018	Trần Viết Công	16/7/1994	12CB-ĐT2	C 2.2 - 04	7
308	ĐL046	12D3010019	Lê Văn Cường	12/5/1994	12CB-ĐT2	C 2.2 - 04	8
309	ĐL057	12D3010024	Nguyễn Văn Doanh	11/9/1994	12CB-ĐT2	C 2.2 - 04	5
310	ĐL061	12D3010028	Lương Minh Dương	29/02/1992	12CB-ĐT2	C 2.2 - 04	7
311	ĐL070	12D3010030	Nguyễn Hải Đăng	24/01/1994	12CB-ĐT2	C 2.2 - 04	8
312	ĐL088	12D3010031	Nguyễn Khắc Điệp	10/10/1994	12CB-ĐT2	C 2.2 - 05	7
313	ĐL089	12D3010032	Nguyễn Quốc Đình	05/9/1993	12CB-ĐT2	C 2.2 - 05	8
314	ĐL094	12D3010034	Hồ Duy Đông	13/9/1994	12CB-ĐT2	C 2.2 - 05	6
315	ĐL101	12D3010036	Lê Công Guim	10/7/1994	12CB-ĐT2	C 2.2 - 05	7
316	ĐL107	12D3010038	Nguyễn Huy Hải	08/02/1994	12CB-ĐT2	C 2.2 - 05	7
317	ĐL109	12D3010039	Nguyễn Trọng Hải	12/11/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 01	6
318	ĐL115	12D3010040	Nguyễn Phúc Hậu	25/5/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 01	7
319	ĐL117	12D3010042	Phan Thái Hiền	16/11/1992	12CB-ĐT2	C 3.2 - 01	7
320	ĐL118	12D3010044	Trần Văn Hiệp	19/5/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 01	7
321	ĐL121	12D3010046	Nguyễn Đức Hiếu	17/7/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 01	8
322	ĐL125	11D0060107	Đinh Bảo Hòa	14/6/1993	12CB-ĐT2	C 3.2 - 01	8
323	ĐL135	12D3010050	Nguyễn Việt Hưng	01/02/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 01	7
324	ĐL139	12D3010052	Huỳnh Ngọc Huy	16/11/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 01	7
325	ĐL145	12D3010056	Trần Ngọc Kha	08/8/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 02	7
326	ĐL151	12D3010058	Phan Trọng Khánh	22/5/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 02	7
327	ĐL153	12D3010062	Trần Quốc Khoa	09/01/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 02	7
328	ĐL156	12D3010066	La Tuấn Kiệt	20/11/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 02	7
329	ĐL164	12D3010068	Lương Trọng Lập	05/8/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 02	7
330	ĐL168	12D3010070	Nguyễn Tấn Linh	29/8/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 02	8
331	ĐL170	12D3010071	Nguyễn Văn Linh	02/12/1993	12CB-ĐT2	C 3.2 - 02	7
332	ĐL175	12D3010072	Nguyễn Tài Lợi	16/10/1993	12CB-ĐT2	C 3.2 - 02	6
333	ĐL178	12D3010074	Nguyễn Bảo Long	26/5/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 02	7
334	ĐL208	12D3010083	Nguyễn Văn Nhạc	15/7/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 03	7
335	ĐL219	12D3010087	Nguyễn Hoàng Nhật	27/11/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 04	8
336	ĐL230	12D3010091	Mong Hoàng Phong	05/11/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 04	4
337	ĐL236	12D3010095	Nguyễn Hồng Phúc	30/4/1992	12CB-ĐT2	C 3.2 - 04	8
338	ĐL242	12D3010100	Huỳnh Thanh Quan	28/7/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 04	7
339	ĐL259	12D3010107	Ngô Thanh Sang	20/10/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 05	7
340	ĐL262	12D3010111	Chí Ngọc Sơn	16/9/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 05	8
341	ĐL275	12D3010119	Trần Ngọc Anh Tâm	24/9/1994	12CB-ĐT2	C 3.2 - 05	7
342	ĐL295	12D3010131	Nguyễn Quốc Thắng	29/6/1994	12CB-ĐT2	C 2.1 - 01	7
343	ĐL313	12D3010139	Dương Anh Thi	01/4/1993	12CB-ĐT2	C 2.1 - 01	7
344	ĐL339	12D3010151	Nguyễn Trọng Trí	29/11/1994	12CB-ĐT2	C 2.1 - 04	6
345	ĐL354	12D3010181	Lê Hoài Trương	10/10/1994	12CB-ĐT2	C 2.1 - 04	5

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
346	ĐL362	12D3010163	Phạm Văn	Truyền	27/5/1994	12CĐ-ĐT2	C 2.1 - 05	8
347	ĐL387	12D3010175	Nguyễn Tăng	Vũ	06/7/1994	12CĐ-ĐT2	C 2.1 - 05	7
348	ĐL025	12D2040002	Trần Phạm Đăng	Bình	23/9/1993	12CĐ-M	C 2.2 - 03	7
349	ĐL030	12D2040003	Nguyễn Vũ Minh	Châu	06/10/1988	12CĐ-M	C 2.2 - 03	7
350	ĐL059	12D2040005	Dương Thị	Dung	13/02/1989	12CĐ-M	C 2.2 - 04	7
351	TT027	12D2040006	Nguyễn Thị	Dung	10/5/1994	12CĐ-M	C 2.3 - 01	5
352	TT052	12D2040034	Phan Thị Hà	Giang	22/4/1994	12CĐ-M	C 2.3 - 02	3
353	ĐL102	12D2040009	Lê Thị Minh	Gương	29/11/1994	12CĐ-M	C 2.2 - 05	7
354	ĐL103	12D2040010	Lê Giang Châu Vĩnh	Hạ	13/6/1993	12CĐ-M	C 2.2 - 05	8
355	ĐL166	12D2040013	Huỳnh Thị Kim	Liên	20/4/1994	12CĐ-M	C 3.2 - 02	7
356	ĐL169	12D2040014	Nguyễn Thị	Linh	12/02/1992	12CĐ-M	C 3.2 - 02	7
357	TT102	12D2040015	Nguyễn Thị Cẩm	Linh	06/10/1994	12CĐ-M	C 2.3 - 04	5
358	TT115	12D2040016	Nguyễn Thị	Nam	08/6/1994	12CĐ-M	C 2.3 - 04	6
359	ĐL196	12D2040017	Đỗ Văn	Nay	20/12/1991	12CĐ-M	C 3.2 - 03	7
360	ĐL197	12D2040018	Nguyễn Thị Thúy	Nga	20/4/1994	12CĐ-M	C 3.2 - 03	8
361	ĐL206	12D2040019	Phạm Thị Thảo	Nguyên	24/4/1994	12CĐ-M	C 3.2 - 03	7
362	TT119	12D2040020	Nguyễn Văn	Nhân	29/4/1994	12CĐ-M	C 2.3 - 04	5
363	ĐL221	12D2040021	Trịnh Thị	Nhung	11/11/1993	12CĐ-M	C 3.2 - 04	8
364	TT161	12D2040022	Võ Ngọc Băng	Tâm	09/3/1993	12CĐ-M	C 2.3 - 05	5
365	ĐL300	12D2040023	Nguyễn Thị Yến	Thanh	20/10/1994	12CĐ-M	C 2.1 - 01	6
366	ĐL301	12D2040024	Phạm Thị	Thanh	20/11/1992	12CĐ-M	C 2.1 - 01	8
367	ĐL310	12D2040025	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	27/8/1994	12CĐ-M	C 2.1 - 01	8
368	ĐL325	12D2040027	Nguyễn Thị Kim	Thy	10/9/1994	12CĐ-M	C 2.1 - 04	8
369	ĐL333	12D2040028	Nguyễn Thị Huyền	Trân	25/10/1994	12CĐ-M	C 2.1 - 04	8
370	ĐL334	12D2040029	Dương Thị Xuân	Trang	07/7/1994	12CĐ-M	C 2.1 - 04	8
371	TT200	12D2040030	Nguyễn Thị Thùy	Trang	25/7/1992	12CĐ-M	C 2.2 - 02	5
372	TT224	12D2040031	Ngô Thị Ngọc	Tuyết	14/3/1994	12CĐ-M	C 2.2 - 02	5
373	TT226	12D2040032	Nguyễn Thị Ngọc	Viên	21/02/1994	12CĐ-M	C 2.2 - 02	5
374	TT013	12D2060003	Đặng Công	Bình	05/4/1993	12CĐ-NL1	C 2.3 - 01	5
375	TT020	11D0070001	Đỗ Văn	Cường	05/02/1993	12CĐ-NL1	C 2.3 - 01	5
376	TT036	12D2060012	Phạm Quang	Duy	15/3/1994	12CĐ-NL1	C 2.3 - 02	5
377	TT060	12D2060018	Nguyễn Văn	Hảo	19/9/1992	12CĐ-NL1	C 2.3 - 02	5
378	TT075	12D2060024	Trần Bá	Hùng	06/9/1993	12CĐ-NL1	C 2.3 - 03	5
379	TT085	12D2060026	Nguyễn Văn	Khân	10/9/1994	12CĐ-NL1	C 2.3 - 03	5
380	TT088	12D2060030	Hạp Tiến Duy	Khoa	27/11/1994	12CĐ-NL1	C 2.3 - 03	5
381	TT094	12D2060032	Đoàn Bùi Nam	Kỳ	19/9/1990	12CĐ-NL1	C 2.3 - 03	6
382	TT096	12D2060034	Nguyễn Văn	Lai	30/7/1991	12CĐ-NL1	C 2.3 - 03	5
383	TT097	12D2060036	Ngô Đình	Lâm	12/4/1994	12CĐ-NL1	C 2.3 - 03	5
384	TT103	12D2060040	Trịnh Ngọc	Linh	09/8/1992	12CĐ-NL1	C 2.3 - 04	5

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
385	TT106	12D2060042	Nguyễn Văn	Long	04/01/1994	12CB-NL1	C 2.3 - 04	6
386	TT111	12D2060044	Võ Thanh	Luân	09/7/1994	12CB-NL1	C 2.3 - 04	6
387	TT114	12D2060046	Đỗ Hoàng	Nam	15/8/1994	12CB-NL1	C 2.3 - 04	5
388	TT138	12D2060052	Trình Hồng	Phúc	09/5/1993	12CB-NL1	C 2.3 - 05	4
389	TT141	12D2060054	Lương Thế	Quân	05/12/1993	12CB-NL1	C 2.3 - 05	5
390	TT145	12D2060058	Nguyễn Văn	Quý	01/01/1992	12CB-NL1	C 2.3 - 05	5
391	TT150	12D2060060	Trần Thanh	Sang	02/6/1994	12CB-NL1	C 2.3 - 05	5
392	TT160	12D2060064	Nguyễn Minh	Tâm	16/6/1994	12CB-NL1	C 2.3 - 05	5
393	TT162	11D0070057	Nguyễn Thanh	Tân	10/12/1991	12CB-NL1	C 2.3 - 05	3
394	TT171	12D2060066	Nguyễn Minh	Thành	26/4/1991	12CB-NL1	C 2.2 - 01	3
395	TT177	12D2060068	Trần Minh	Thảo	16/3/1994	12CB-NL1	C 2.2 - 01	5
396	TT183	12D2060070	Trần Minh	Thom	16/3/1994	12CB-NL1	C 2.2 - 01	6
397	TT195	12D2060072	Nguyễn Đức	Toàn	15/01/1994	12CB-NL1	C 2.2 - 01	5
398	TT203	12D2060074	Huỳnh Bá	Triết	28/3/1994	12CB-NL1	C 2.2 - 02	5
399	TT205	12D2060076	Nguyễn Đức	Trọng	27/9/1991	12CB-NL1	C 2.2 - 02	5
400	TT208	12D2060078	Nguyễn Cao	Trung	21/4/1990	12CB-NL1	C 2.2 - 02	5
401	TT210	12D2060080	Nguyễn Minh	Trung	21/02/1994	12CB-NL1	C 2.2 - 02	5
402	TT219	12D2060086	Lý Thanh	Tuấn	11/01/1994	12CB-NL1	C 2.2 - 02	6
403	TT225	12D2060090	Nguyễn	Út	22/4/1994	12CB-NL1	C 2.2 - 02	5
404	TT231	12D2060094	Nguyễn Minh	Vũ	13/3/1992	12CB-NL1	C 2.2 - 02	6
405	TT056	11D0070037	Nguyễn Ngọc	Hải	16/4/1993	12CB-NL1	C 2.3 - 02	4
406	ĐL013	12D2060002	Nguyễn Vương	Anh	14/11/1994	12CB-NL2	C 2.2 - 03	7
407	ĐL023	12D2060004	Đặng Thiên	Bình	29/4/1993	12CB-NL2	C 2.2 - 03	7
408	ĐL034	12D2060006	Trương Ngô	Chí	22/5/1992	12CB-NL2	C 2.2 - 03	6
409	ĐL037	12D2060009	Đặng Thế	Công	13/11/1994	12CB-NL2	C 2.2 - 04	7
410	ĐL052	12D2060011	Nguyễn Văn	Danh	01/01/1994	12CB-NL2	C 2.2 - 04	7
411	ĐL133	12D2060023	Phan Minh	Hùng	05/10/1993	12CB-NL2	C 3.2 - 01	7
412	ĐL142	12D2060025	Nguyễn Từ	Huy	01/3/1993	12CB-NL2	C 3.2 - 01	7
413	ĐL150	12D2060027	Nguyễn Đình	Khánh	10/9/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 02	7
414	ĐL152	12D2060029	Đoàn Văn	Khoa	08/02/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 02	6
415	ĐL158	12D2060033	Hoàng Tiến	Kỳ	20/02/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 02	7
416	ĐL171	12D2060039	Phạm Duy	Linh	27/6/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 02	7
417	ĐL181	12D2060043	Trịnh Đình	Luân	01/3/1993	12CB-NL2	C 3.2 - 03	6
418	ĐL188	12D2060045	Nguyễn Văn	Minh	07/9/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 03	7
419	ĐL201	12D2060047	Phùng Lê Trọng	Nghĩa	15/3/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 03	8
420	ĐL232	12D2060051	Lê Hồng	Phú	01/01/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 04	6
421	ĐL240	12D2060053	Trần Văn	Phước	20/3/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 04	8
422	ĐL252	12D2060057	Lê Phước	Quý	08/10/1991	12CB-NL2	C 3.2 - 04	Vắng
423	ĐL260	12D2060059	Nguyễn Hoàng	Sang	04/10/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 05	6

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
424	ĐL265	12D2060061	Nguyễn Văn	Sơn	16/02/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 05	7
425	ĐL268	12D2060063	Lê Nguyễn Đức	Tài	11/4/1994	12CB-NL2	C 3.2 - 05	8
426	ĐL288	12D2060065	Bùi Văn	Thân	17/02/1993	12CB-NL2	C 3.2 - 05	6
427	ĐL291	12D2060008	Bùi Vạn	Thắng	02/7/1994	12CB-NL2	C 2.1 - 01	7
428	ĐL309	12D2060067	Nguyễn Hiếu	Thảo	27/3/1994	12CB-NL2	C 2.1 - 01	7
429	ĐL318	12D2060069	Thân Hải	Thọ	21/10/1989	12CB-NL2	C 2.1 - 01	8
430	ĐL341	12D2060075	Võ Long	Triều	09/02/1994	12CB-NL2	C 2.1 - 04	8
431	ĐL348	12D2060079	Nguyễn Duy	Trung	26/9/1994	12CB-NL2	C 2.1 - 04	8
432	ĐL357	12D2060083	Nguyễn Minh	Trường	13/01/1993	12CB-NL2	C 2.1 - 04	8
433	ĐL364	12D2060085	Trần Anh	Tú	17/7/1994	12CB-NL2	C 2.1 - 05	7
434	ĐL369	12D2060087	Nguyễn Thanh	Tuấn	23/5/1985	12CB-NL2	C 2.1 - 05	7
435	ĐL372	12D2060089	Nguyễn Duy	Tuyến	05/4/1992	12CB-NL2	C 2.1 - 05	7
436	ĐL391	12D2060097	Trần Huy	Vượng	03/01/1993	12CB-NL2	C 2.1 - 05	7
437	TT002	12D2050001	Lê Quang	An	24/5/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 01	6
438	TT007	12D2050003	Hoàng Xuân	Anh	07/9/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 01	5
439	TT011	12D2050005	Ngô Gia	Bảo	17/5/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 01	6
440	TT016	12D2050007	Nguyễn Hoàng	Chiến	26/02/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 01	5
441	TT037	11D0030022	Trần Bảo	Duy	10/12/1993	12CB-Ô1	C 2.3 - 02	5
442	TT040	12D2050015	Lê Tiến	Đạt	02/02/1993	12CB-Ô1	C 2.3 - 02	5
443	TT042	12D2050098	Nguyễn Tiến	Đạt	25/10/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 02	5
444	TT048	12D2050017	Nguyễn Anh	Đức	06/02/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 02	5
445	TT051	12D2050019	Nguyễn Hoàng	Giang	05/9/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 02	6
446	TT059	12D2050021	Nguyễn Văn	Hào	10/4/1993	12CB-Ô1	C 2.3 - 02	3
447	TT066	12D2050023	Nguyễn Văn	Hiền	08/9/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 02	4
448	TT070	12D2050025	Nguyễn Ngọc	Hiếu	25/02/1992	12CB-Ô1	C 2.3 - 03	Vắng
449	TT072	12D2050027	Phạm Tấn	Hoàng	25/5/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 03	5
450	TT081	12D2050031	Nguyễn Ngọc	Huy	03/10/1993	12CB-Ô1	C 2.3 - 03	5
451	TT083	12D2050033	Nguyễn Văn	Huỳnh	30/7/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 03	5
452	TT084	12D2050035	Trần Cao	Khả	15/11/1993	12CB-Ô1	C 2.3 - 03	5
453	TT090	12D2050036	Trần Đình Duy	Khương	16/3/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 03	5
454	TT095	12D2050038	Đặng Gia	Lạc	26/10/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 03	5
455	TT101	12D2050040	Nguyễn Quang	Linh	20/5/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 04	6
456	TT107	12D2050042	Phạm Minh	Long	19/8/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 04	5
457	TT113	12D2050044	Trương Hoàng	Minh	22/02/1993	12CB-Ô1	C 2.3 - 04	6
458	TT122	12D2050050	Trần Phúc	Nhon	16/02/1994	12CB-Ô1	C 2.3 - 04	5
459	TT127	11D0030084	Đặng	Phát	22/02/1993	12CB-Ô1	C 2.3 - 04	5
460	TT132	11D0030087	Nguyễn Hoàng	Phong	30/6/1991	12CB-Ô1	C 2.3 - 04	2
461	TT144	12D2050060	Huỳnh Tấn	Qui	05/6/1993	12CB-Ô1	C 2.3 - 05	5
462	TT163	12D2050062	Trần Văn	Tân	05/3/1993	12CB-Ô1	C 2.3 - 05	4

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
463	TT168	12D2050064	Nguyễn Minh	Thắng	14/4/1993	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 01	5
464	TT169	12D2050066	Đỗ Nhật	Thành	11/8/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 01	6
465	TT173	12D2050068	Nguyễn Tiến	Thành	09/11/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 01	3
466	TT185	12D2050073	Mai Ngọc	Thuận	20/7/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 01	3
467	TT186	12D2050074	Nguyễn Hoàng	Thuận	22/7/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 01	5
468	TT189	12D2050076	Lê Hoàng	Thy	07/01/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 01	5
469	TT194	12D2050078	Trần Quang	Tín	21/7/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 01	5
470	TT197	12D2050080	Nguyễn Thành	Toàn	19/02/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 01	3
471	TT199	12D2050082	Huỳnh Thanh	Trà	02/6/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 02	5
472	TT201	12D2050083	Hoàng Lê Minh	Trí	24/11/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 02	5
473	TT211	12D2050086	Trần Minh	Trung	05/7/1994	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 02	5
474	TT217	11D0030422	Đỗ Quốc	Tuấn	26/02/1993	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 02	5
475	TT222	12D2050089	Nguyễn Văn	Tùng	29/11/1993	12CĐ-Ô1	C 2.2 - 02	6
476	TT004	12D2050002	Trần Trọng	An	22/11/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 01	7
477	TT023	12D2050008	Nguyễn Thế	Dân	17/11/1993	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 01	6
478	TT030	12D2050012	Nguyễn Quốc	Dũng	08/9/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 01	6
479	TT031	12D2050013	Phạm Anh	Dũng	21/4/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 01	7
480	TT049	12D2050018	Nguyễn Hữu	Đức	09/10/1992	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 02	5
481	TT053	12D2050020	Võ Minh	Giàu	12/9/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 02	5
482	TT062	12D2050022	Tô Công	Hậu	02/01/1995	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 02	6
483	TT073	12D2050028	Nguyễn Văn	Hợp	24/9/1993	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 03	5
484	TT074	10D0030232	Cao Thế	Huân	07/3/1992	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 03	6
485	TT077	12D2050030	Vũ Quốc	Hưng	05/3/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 03	5
486	TT087	10D0030247	Nguyễn Hoàng	Khánh	29/3/1991	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 03	Vắng
487	TT091	11D0030273	Nguyễn Trung	Kiên	20/8/1993	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 03	5
488	TT093	12D2050037	Lê Tuấn	Kiệt	14/8/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 03	5
489	TT098	11D0030277	Nguyễn Đoàn	Lâm	28/8/1993	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 03	5
490	TT099	12D2050039	Nguyễn Thế	Lâm	21/02/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 03	6
491	TT108	12D2050043	Lê Minh	Luân	31/8/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 04	4
492	TT117	12D2050047	Đặng Hữu	Nghĩa	17/10/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 04	5
493	TT124	12D2050051	Phạm Tuấn	Nhựt	13/4/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 04	6
494	TT131	11D0030323	Nguyễn Long	Phi	21/9/1992	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 04	1
495	TT135	12D2050053	Nguyễn Ngọc	Phú	08/10/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 05	6
496	TT137	12D2050055	Đỗ Mạnh	Phúc	17/7/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 05	5
497	TT142	12D2050059	Trần	Quang	29/6/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 05	5
498	TT143	12D2050095	Võ Minh	Quang	12/12/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 05	5
499	TT153	12D2050061	Đỗ Huy	Sĩ	19/6/1994	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 05	5
500	TT158	11D0030350	Hà Tuấn	Tài	11/11/1992	12CĐ-Ô2	C 2.3 - 05	5
501	TT167	12D2050063	Trần Văn	Thái	07/4/1994	12CĐ-Ô2	C 2.2 - 01	2



TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
502	TT174	12D2050069	Trần Quang	Thành	09/4/1994	12CB-Ô2	C 2.2 - 01	5
503	TT179	11D0030385	Nguyễn Anh	Thiệt	20/3/1993	12CB-Ô2	C 2.2 - 01	5
504	TT180	12D2050071	Nguyễn Đỗ	Thịnh	12/01/1993	12CB-Ô2	C 2.2 - 01	5
505	TT181	12D2050072	Nguyễn Đức	Thịnh	09/12/1994	12CB-Ô2	C 2.2 - 01	6
506	TT187	12D2050075	Nguyễn Thanh	Thuận	20/02/1993	12CB-Ô2	C 2.2 - 01	5
507	TT190	12D2050077	Nguyễn Văn	Tí	25/02/1992	12CB-Ô2	C 2.2 - 01	5
508	TT193	11D0030397	Trương Văn	Tiền	10/7/1992	12CB-Ô2	C 2.2 - 01	3
509	TT198	12D2050081	Trịnh Vĩ	Toàn	23/3/1994	12CB-Ô2	C 2.2 - 01	5
510	TT212	11D0030416	Trương Hiếu	Trung	04/10/1993	12CB-Ô2	C 2.2 - 02	5
511	TT214	12D2050087	Lê Xuân	Tú	10/02/1994	12CB-Ô2	C 2.2 - 02	5
512	TT029	11D0030016	Lê Tiến	Dũng	22/11/1992	12CB-Ô2	C 2.3 - 01	5
513	TT123	11D0030080	Lê Văn	Nhựt	16/3/1993	12CB-Ô2	C 2.3 - 04	Vắng
514	TT126	11D0030083	Cao Lê Hồng	Phát	30/12/1993	12CB-Ô2	C 2.3 - 04	4
515	TT191	11D0030147	Hồ Nhật	Tiền	06/4/1991	12CB-Ô2	C 2.2 - 01	5
516	TT229	11D0030441	Cao Đình	Vũ	25/01/1992	12CB-Ô2	C 2.2 - 02	5
517	ĐL015	12D201M001	Vũ Tuấn	Anh	15/01/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 03	6
518	ĐL020	11D0050002	Trần Thái	Bảo	06/6/1993	12CB-TM1	C 2.2 - 03	8
519	ĐL024	12D201M003	Nguyễn Hữu	Bình	16/01/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 03	7
520	ĐL026	12D201M004	Nguyễn Hữu	Bôn	10/01/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 03	6
521	ĐL028	12D201M076	Ngô Chí	Cảnh	03/02/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 03	6
522	ĐL029	12D201M005	Nguyễn	Cáp	20/02/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 03	5
523	ĐL031	12D201M006	Trần Ái	Châu	07/10/1993	12CB-TM1	C 2.2 - 03	8
524	ĐL033	12D201M007	Tiên Thạnh	Chí	02/8/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 03	6
525	ĐL041	12D201M008	Trần Đức	Công	09/7/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 04	7
526	ĐL043	12D201M009	Nguyễn Bình	Cứ	04/11/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 04	6
527	ĐL060	12D201M010	Trương Thị Phương	Dung	16/4/1993	12CB-TM1	C 2.2 - 04	6
528	ĐL062	12D201M011	Nguyễn Duy	Dương	29/9/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 04	5
529	ĐL068	12D201M013	Phan Trần Quốc	Duy	21/7/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 04	5
530	ĐL076	12D201M014	Huỳnh Tiến	Đạt	15/6/1993	12CB-TM1	C 2.2 - 05	7
531	ĐL077	12D201M015	Kiều Tiến	Đạt	17/11/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 05	7
532	ĐL079	12D201M016	Nguyễn Tấn	Đạt	16/8/1993	12CB-TM1	C 2.2 - 05	7
533	ĐL091	12D201M017	Huỳnh	Đô	06/7/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 05	8
534	ĐL100	12D201M018	Lê Nguyễn Phú	Giàu	24/10/1994	12CB-TM1	C 2.2 - 05	7
535	ĐL108	12D201M019	Nguyễn Thanh	Hải	14/02/1993	12CB-TM1	C 2.2 - 05	8
536	ĐL110	12D201M020	Nguyễn Vũ	Hải	01/01/1994	12CB-TM1	C 3.2 - 01	7
537	ĐL114	12D201M021	Huỳnh Văn	Hậu	05/10/1994	12CB-TM1	C 3.2 - 01	7
538	ĐL123	11D0050016	Võ Chí	Hiếu	18/9/1993	12CB-TM1	C 3.2 - 01	7
539	ĐL132	12D201M022	Lê Tiến	Hùng	30/01/1993	12CB-TM1	C 3.2 - 01	7
540	ĐL161	11D0050034	Trần Bá	Lâm	01/6/1993	12CB-TM1	C 3.2 - 02	6

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
541	ĐL162	12D201M026	Võ Văn	Lâm	02/7/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 02	7
542	ĐL163	12D201M027	Nguyễn Đình	Lân	03/10/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 02	6
543	ĐL185	12D201M030	Ngô Giáng	Lynh	04/01/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	7
544	ĐL189	12D201M032	Trần Anh	Minh	06/8/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	7
545	ĐL191	12D201M033	Trần Phan Nhật	Minh	18/7/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	6
546	ĐL194	12D201M034	Trần Văn	Nam	21/5/1993	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	6
547	ĐL195	12D201M035	Trần Văn	Nam	10/9/1993	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	7
548	ĐL199	12D201M036	Nguyễn Thị Hồng	Ngân	24/02/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	7
549	ĐL200	12D201M037	Nguyễn Trọng	Nghĩa	24/4/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	7
550	ĐL212	12D201M039	Lý Tài	Nhân	15/10/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	7
551	ĐL214	12D201M041	Nguyễn Thành	Nhân	06/02/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	7
552	ĐL215	11D0050112	Trần Trọng	Nhân	20/9/1993	12CĐ-TM1	C 3.2 - 03	6
553	ĐL218	12D201M042	Đặng Duy	Nhật	06/6/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 04	8
554	ĐL233	12D201M045	Đinh Hoàng	Phúc	07/02/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 04	5
555	ĐL239	12D201M046	Bùi Vạn	Phước	04/12/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 04	4
556	ĐL250	12D201M050	Trần Khánh	Quang	06/12/1993	12CĐ-TM1	C 3.2 - 04	5
557	ĐL263	12D201M052	Nguyễn Cao	Sơn	13/6/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 05	Vắng
558	ĐL273	12D201M053	Nguyễn Thành	Tâm	27/8/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 05	7
559	ĐL276	12D201M054	Trịnh Duy	Tâm	17/12/1993	12CĐ-TM1	C 3.2 - 05	7
560	ĐL284	12D201M056	Huỳnh	Tây	10/3/1994	12CĐ-TM1	C 3.2 - 05	7
561	ĐL289	12D201M057	Nguyễn Đức	Thân	01/10/1992	12CĐ-TM1	C 2.1 - 01	6
562	ĐL299	12D201M058	Nguyễn Tấn	Thanh	18/9/1993	12CĐ-TM1	C 2.1 - 01	6
563	ĐL307	12D201M059	Võ Quang	Thành	30/7/1994	12CĐ-TM1	C 2.1 - 01	6
564	ĐL319	12D201M061	Trần Thị Diễm	Thoa	30/5/1993	12CĐ-TM1	C 2.1 - 01	7
565	ĐL327	12D201M063	Nguyễn Kha Quốc	Tiến	23/8/1994	12CĐ-TM1	C 2.1 - 04	7
566	ĐL332	12D201M064	Nguyễn Minh	Toàn	20/4/1994	12CĐ-TM1	C 2.1 - 04	7
567	ĐL336	12D201M066	Lê Thái Điền	Trí	03/01/1994	12CĐ-TM1	C 2.1 - 04	7
568	ĐL340	12D201M067	Lý Minh	Triều	18/11/1994	12CĐ-TM1	C 2.1 - 04	7
569	ĐL347	12D201M068	Lê Công	Trung	13/10/1994	12CĐ-TM1	C 2.1 - 04	8
570	ĐL356	11D0050147	La Minh Quốc	Trường	07/6/1993	12CĐ-TM1	C 2.1 - 04	6
571	ĐL358	12D201M069	Nguyễn Xuân	Trường	04/7/1994	12CĐ-TM1	C 2.1 - 04	8
572	ĐL363	12D201M070	Nguyễn Thành	Tú	17/3/1994	12CĐ-TM1	C 2.1 - 05	8
573	ĐL370	12D201M071	Nguyễn Trọng	Tuấn	22/4/1993	12CĐ-TM1	C 2.1 - 05	7
574	ĐL381	12D201M073	Huỳnh Lâm Quang	Vinh	23/3/1994	12CĐ-TM1	C 2.1 - 05	8
575	ĐL003	12D201P001	Phạm Thành	An	31/3/1994	12CĐ-TP1	C 2.2 - 03	8
576	ĐL004	11D0040037	Phạm Vũ	An	08/02/1993	12CĐ-TP1	C 2.2 - 03	7
577	ĐL011	12D201P002	Nguyễn Duy	Anh	26/8/1991	12CĐ-TP1	C 2.2 - 03	7
578	ĐL014	11D0040002	Nhữ Huỳnh Phi	Anh	26/6/1992	12CĐ-TP1	C 2.2 - 03	8
579	ĐL016	12D201P004	Võ Thanh	Bá	24/4/1994	12CĐ-TP1	C 2.2 - 03	7

TT	SBD	MSSV	Họ và tên	Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
580	ĐL027	12D201P007	Lê Toàn Cẩm	30/12/1994	12CB-TP1	C 2.2 - 03	6
581	ĐL032	12D201P008	Lê Văn Chí	20/02/1994	12CB-TP1	C 2.2 - 03	8
582	ĐL044	12D201P011	Đoàn Duy Cường	28/7/1994	12CB-TP1	C 2.2 - 04	8
583	ĐL049	12D201P012	Trần Hùng Cường	12/8/1993	12CB-TP1	C 2.2 - 04	5
584	ĐL051	12D201P013	Trần Thanh Dân	26/8/1994	12CB-TP1	C 2.2 - 04	5
585	ĐL075	12D201P014	Trịnh Xuân Đạo	12/7/1990	12CB-TP1	C 2.2 - 05	6
586	ĐL078	12D201P015	Lê Nguyễn Tiến Đạt	28/9/1993	12CB-TP1	C 2.2 - 05	9
587	TT041	12D201P016	Ngô Nguyên Đạt	09/9/1994	12CB-TP1	C 2.3 - 02	5
588	ĐL095	11D0040014	Nguyễn Hiến Đông	21/8/1993	12CB-TP1	C 2.2 - 05	7
589	ĐL096	12D201P018	Trần Trí Đồng	07/11/1994	12CB-TP1	C 2.2 - 05	6
590	ĐL112	12D201P020	Lương Vĩ Hào	19/10/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 01	7
591	ĐL122	12D201P023	Phạm Trung Hiếu	02/11/1993	12CB-TP1	C 3.2 - 01	8
592	ĐL127	12D201P076	Nguyễn Minh Hoàng	23/6/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 01	7
593	ĐL130	12D201P027	Phạm Văn Hợp	28/02/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 01	7
594	ĐL131	12D201P028	Lâm Tuấn Hùng	11/01/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 01	7
595	ĐL134	11D0040136	Nguyễn Tri Hưng	15/01/1991	12CB-TP1	C 3.2 - 01	8
596	ĐL136	12D201P030	Vòng Dịu Vinh Hưng	08/9/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 01	7
597	ĐL141	12D201P032	Nguyễn Triết Huy	04/11/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 01	7
598	ĐL143	12D201P033	Ngô Đức Huynh	11/10/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 01	7
599	ĐL144	12D201P034	Nguyễn Kết	10/3/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 01	7
600	ĐL155	12D201P035	Chềng Gia Kiệt	28/4/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 02	8
601	ĐL160	12D201P037	Nguyễn Văn Lâm	24/8/1993	12CB-TP1	C 3.2 - 02	7
602	ĐL176	12D201P040	Triệu Đại Lợi	16/7/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 02	7
603	ĐL183	12D201P044	Nguyễn Văn Lượng	25/7/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 03	8
604	ĐL207	12D201P045	Lê Song Trang Nhã	01/6/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 03	5
605	ĐL216	12D201P047	Võ Trọng Nhân	16/3/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 03	8
606	ĐL220	12D201P048	Nguyễn Yên Nhi	28/9/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 04	7
607	TT136	11D0040165	Trần Hoàng Phú	01/01/1993	12CB-TP1	C 2.3 - 05	5
608	ĐL237	12D201P050	Võ Hoàng Phúc	22/12/1993	12CB-TP1	C 3.2 - 04	8
609	ĐL241	12D201P051	Lý Hồng Phương	20/3/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 04	8
610	ĐL243	12D201P053	Trần Công Quan	29/7/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 04	7
611	ĐL246	12D201P054	Đặng Minh Quang	20/11/1991	12CB-TP1	C 3.2 - 04	3
612	ĐL249	12D201P055	Trần Hữu Quang	10/7/1993	12CB-TP1	C 3.2 - 04	8
613	ĐL253	12D201P056	Nguyễn Huỳnh Mạnh Quốc	01/4/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 05	7
614	ĐL254	12D201P057	Nguyễn Tấn Quốc	17/9/1994	12CB-TP1	C 3.2 - 05	7
615	TT148	12D201P058	Huỳnh Ngọc Quyền	15/6/1994	12CB-TP1	C 2.3 - 05	5
616	ĐL281	12D201P061	Nguyễn Minh Tấn	01/4/1993	12CB-TP1	C 3.2 - 05	Vắng
617	ĐL304	12D201P063	Nguyễn Thái Thành	25/9/1994	12CB-TP1	C 2.1 - 01	8
618	ĐL312	12D201P064	Trần Ngọc Thanh Thảo	07/9/1994	12CB-TP1	C 2.1 - 01	8

TT	SBD	MSSV	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Phòng thi	Điểm thi
619	ĐL331	11D0040082	Nguyễn Lương Minh	Toàn	21/01/1993	12CĐ-TP1	C 2.1 - 04	8
620	ĐL343	12D201P070	Lương Hoàng	Trọng	19/8/1990	12CĐ-TP1	C 2.1 - 04	7
621	TT215	12D201P073	Phan Anh	Tú	09/3/1994	12CĐ-TP1	C 2.2 - 02	5
622	ĐL385	11D0040087	Trần Hoàng	Vĩnh	24/5/1993	12CĐ-TP1	C 2.1 - 05	6
623	ĐL048	11D0040009	Nguyễn Chí	Cường	28/02/1993	12CĐ-TP1	C 2.2 - 04	7
624	ĐL149	11D0040141	Tăng Tuấn	Khanh	30/11/1993	12CĐ-TP1	C 3.2 - 02	6
625	ĐL393	THI LẠI	Nguyễn Văn	Tốt	10/10/1992	11CĐ-Đ3	C 2.1 - 05	7
626	ĐL394	THI LẠI	Võ Quốc	Huy	01/6/1992	11CĐ-ĐT2	C 2.1 - 05	7
627	ĐL395	THI LẠI	Hoàng Liên	Sơn	24/01/1991	10CĐ-CK1	C 2.1 - 05	7
628	ĐL396	THI LẠI	Phạm Khắc	Chức	08/8/1992	11CĐ-CK2	C 2.1 - 05	7
629	ĐL397	THI LẠI	Huỳnh Minh	Phương	24/11/1993	11CĐ-Ô2	C 2.1 - 05	7

HIỆU TRƯỞNG

GHI CHÚ:

SINH VIÊN LIÊN HỆ PHÒNG KHẢO THÍ VÀ ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐỂ NHẬN ĐƠN PHỤC KHẢO.
HẠN CHÓT: THỨ SÁU 14/8/2015



Phạm Hữu Lộc

